

Số: 625/PGDDĐT-NV  
V/v tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9  
năm học 2018-2019

TP. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường THCS.

Căn cứ công văn số 1086/SGDDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thi chọn học sinh giỏi lớp 9, 12 năm học 2018-2019;

Căn cứ công văn số 465/HD-PGDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2018-2019 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và THCS,

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị công tác bồi dưỡng và tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9 năm học 2018-2019 như sau:

### **1. Công tác bồi dưỡng, tổ chức thi cấp trường**

- **Đối tượng:** Học sinh đang học lớp 9 năm học 2018-2019 (riêng môn Tin học có thể chọn học sinh lớp 8 nhưng thi chương trình lớp 9).

- **Điều kiện:** Học sinh được chọn tham gia đội tuyển cấp trường khi năm học 2017-2018 phải có đủ các điều kiện sau:

+ Xếp loại hạnh kiểm tốt và học lực từ khá trở lên;

+ Điểm trung bình của môn học sinh đăng ký dự thi phải đạt từ 8,0 trở lên. Riêng môn Tin học, điểm trung bình môn Toán phải đạt từ 7,0 trở lên.

- **Môn dự thi:** Toán học, Vật Lý, Hoá học, Sinh học, Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh và môn Tin học.

- **Công tác bồi dưỡng:** Tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh.

- **Công tác tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường:** Do Hiệu trưởng trường quy định nhưng phải tổ chức thi trước ngày **01/11/2018** để thành lập đội tuyển dự thi cấp thành phố theo yêu cầu.

### **2. Dự thi cấp thành phố**

#### **2.1. Điều kiện dự thi:**

Học sinh được chọn vào đội tuyển dự thi cấp thành phố phải có đủ các điều kiện sau:

- Đủ điều kiện tham gia đội tuyển dự thi cấp trường.

- Phải qua kì thi cấp trường và đủ điều kiện chọn vào đội tuyển của trường dự thi cấp thành phố.

**2.2. Đơn vị dự thi:** Mỗi trường là một đơn vị đăng ký dự thi.

**2.3. Thành lập đội tuyển dự thi:**

- Căn cứ vào số lớp 9 năm học 2018-2019, kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp trường và điều kiện dự thi, Hiệu trưởng trường thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố với số lượng tối đa 02 học sinh/01 môn/01 lớp.

- Căn cứ vào kết quả kì thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh năm học 2017-2018 khuyến khích các đơn vị tăng số lượng học sinh như sau:

+ Đối với cấp thành phố: giải Nhất tăng tối đa 02 học sinh/môn, giải Nhì tăng tối đa 01 học sinh/môn (đối với môn có học sinh đạt giải).

+ Đối với cấp tỉnh: giải Nhất tăng tối đa 03 học sinh/môn, giải Nhì tăng tối đa 02 học sinh/môn, giải Ba tăng tối đa 01 học sinh/môn (đối với môn có học sinh đạt giải).

**Lưu ý:** Trong cùng một môn chỉ tính giải cao nhất.

**2.4. Hồ sơ dự thi gồm:**

- Quyết định thành lập đội tuyển của trường (kèm danh sách);

- Danh sách đội tuyển dự thi của trường xếp theo môn;

- Phiếu xác nhận kết quả học tập của học sinh cuối năm học 2017-2018 phải có xác nhận của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng trường có trách nhiệm kiểm tra và chịu trách nhiệm về các thông tin của học sinh dự thi.

**2.5. Môn thi, hình thức thi:**

**- Môn thi:**

+ Mỗi thí sinh chỉ tham dự một môn thi trong các môn: Toán học, Vật Lý, Hoá học, Sinh học, Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tin học.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ tổ chức thi đối với môn thi có từ 5 đơn vị trở lên đăng ký dự thi, ngoại trừ môn Tin học.

**- Hình thức thi:**

+ Thí sinh dự thi các môn theo hình thức thi viết tự luận.

+ Đối với môn Tiếng Anh kiểm tra cả 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ. Bài thi tự luận và trắc nghiệm (gồm kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ) thời gian làm bài là 150 phút. Đối với phần thi nói, ghi âm phần trả lời của thí sinh vào đĩa CD, mỗi thí sinh thực hiện phần thi nói trong **15 phút, bao gồm 10 phút chuẩn bị** câu trả lời và 05 phút trình bày chủ đề đã bốc thăm.

+ Môn Tin học thi lập trình trên máy vi tính.

## **2.6. Ngày thi, địa điểm tổ chức thi, thời gian thi:**

- Ngày thi: **Ngày 09/12/2018 (Chủ nhật).**

- Địa điểm thi: **Tại trường THCS Nguyễn Thị Lựu.**

+ Học sinh tập trung tại trường THCS Nguyễn Thị Lựu lúc 06 giờ 30 để làm lễ khai mạc kỳ thi.

+ Khi dự thi học sinh mang theo **thẻ học sinh** để giám thị kiểm tra khi vào phòng thi.

- Thời gian làm bài thi: 150 phút cho tất cả các môn.

## **2.7. Nội dung, phạm vi đề thi:**

- Nội dung thi là chương trình lớp 6, 7, 8, và 15 tuần đầu của chương trình lớp 9; gồm các chủ đề nâng cao, chuyên sâu tương ứng (*Nội dung ôn tập xem phụ lục 1*).

- Vận dụng kiến thức bộ môn và liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

## **3. Dự thi cấp tỉnh**

Học sinh giỏi lớp 9 được chọn dự thi cấp tỉnh phải có đủ các điều kiện sau:

- Học kỳ I năm học 2018-2019:

+ Đạt kết quả xếp loại hạnh kiểm tốt và học lực từ khá trở lên;

+ Điểm trung bình của môn học sinh đăng ký dự thi phải đạt từ 8,0 trở lên. Riêng môn Tin học, điểm trung bình môn Toán phải đạt từ 7,0 trở lên.

- Được xét chọn vào đội tuyển của thành phố dự thi cấp tỉnh (căn cứ kết quả thi HSG cấp thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo xét chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp tỉnh theo qui tắc lấy điểm từ cao đến thấp).

## **4. Công tác tổ chức thi cấp thành phố và dự thi cấp tỉnh**

### **4.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

- Hướng dẫn nội dung bồi dưỡng;

- Kiểm tra công tác tổ chức thi cấp trường và bồi dưỡng đội tuyển HSG dự thi cấp thành phố của trường;

- Tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự thi;

- Tổ chức kì thi cấp thành phố;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp tỉnh.

### **4.2. Trường THCS:**

- Lựa chọn học sinh dự thi cấp trường;

- Lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh;

- Tổ chức thi cấp trường;

- Thành lập đội tuyển, lập kế hoạch bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp thành phố;
- Gửi hồ sơ dự thi cấp thành phố về Phòng Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 15/11/2018** (qua Tổ Nghiệp vụ-Kiểm tra) và gửi danh sách học sinh dự thi (theo mẫu-Phụ lục 2) qua địa chỉ email: [sonsinhtpcl@gmail.com](mailto:sonsinhtpcl@gmail.com);
- Tổ chức đưa, đón học sinh của đơn vị khi dự thi cấp thành phố và cấp tỉnh (nếu có).

## **5. Kinh phí thực hiện**

### **5.1. Chế độ bồi dưỡng học sinh giỏi:**

Căn cứ tình hình cụ thể nhà trường (giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất và khả năng tài chính), Hiệu trưởng quyết định thời lượng, nội dung bồi dưỡng đội tuyển. *Mức chi cho công tác bồi dưỡng HSG và chế độ tiền ăn cho học sinh dự thi theo qui định tài chính hiện hành.*

### **5.2. Chế độ khen thưởng:**

Phòng Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen, tiền thưởng cho các học sinh đạt giải và giáo viên có học sinh đạt giải cấp thành phố theo qui định tài chính hiện hành và nguồn tài trợ hợp pháp.

Để đạt kết quả tốt nhất trong kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 năm học 2018-2019, Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hiệu trưởng các trường thực hiện nghiêm túc nội dung công văn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị cần báo cáo kịp thời về Phòng Giáo dục và Đào tạo (qua Tổ Nghiệp vụ-Kiểm tra) để được hướng dẫn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên (để thực hiện);
- LDP (chỉ đạo);
- Tổ TC-TCCB (để phối hợp);
- Lưu: VT, NV (S).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Ngô Văn Trúc**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9, NĂM HỌC 2018 - 2019**  
(Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**1. MÔN TOÁN**

**Chủ đề 1: (4,0 điểm)** Số học và các phép tính trên tập hợp số thực

- Dấu hiệu chia hết.
- Số chính phương.
- Các phép tính trên tập hợp số thực: “Biểu thức số chứa căn bậc hai”.

**Chủ đề 2: (4,0 điểm)** Biểu thức đại số

- Biểu thức nguyên, phân.
- Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai.
- Bất đẳng thức, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, vận dụng bất đẳng thức Cô-si (giới hạn chỉ áp dụng tối đa cho 3 số).

**Chủ đề 3: (4,0 điểm)** Phương trình, Bất phương trình, Hệ phương trình

- Phương trình một ẩn; Phương trình vô tỉ.
- Phương trình bậc cao đưa được về phương trình tích.
- Bài toán liên quan đến hàm số bậc nhất.
- Hệ phương trình bậc nhất.
- Phương trình bậc hai một ẩn. (giới hạn tới tuần thi)
- Giải bài toán có lời văn (vận dụng kiến thức bộ môn để giải quyết vấn đề có liên quan thực tế).

**Chủ đề 4: (4,0 điểm)** Điểm, đường thẳng, tam giác

- Ba điểm thẳng hàng.
- Đường thẳng vuông góc, song song, đồng quy.
- Tam giác bằng nhau, đồng dạng, định lý Ta- Lét. Tỉ số diện tích.
- Tính chất các đường đồng quy trong tam giác “Ba đường trung tuyến, ba đường cao”.
- Tỉ số diện tích, cực trị hình học, bất đẳng thức tam giác.
- Hệ thức lượng trong tam giác vuông (vận dụng kiến thức bộ môn để giải quyết vấn đề có liên quan thực tế).

**Chủ đề 5: (4,0 điểm)** Tứ giác, Đa giác, Đường tròn

- Tứ giác đặc biệt; Đa giác đều.
- Các vấn đề liên quan đến đường tròn (Tính chất đối xứng, Đường kính và dây, Dây và khoảng cách đến tâm, Tiếp tuyến đường tròn, Vị trí hai đường tròn, Góc ở tâm, liên hệ cung- dây, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây).

## 2. MÔN VẬT LÝ

### 1. Cơ học: (4,0 điểm)

- Bài toán về chuyển động cơ học, chuyển động đều, chuyển động không đều; Vận tốc.

- Các lực cơ học; Khối lượng riêng; Trọng lượng riêng; Công cơ học; Công suất, Cơ năng; Các máy cơ đơn giản; Lực đẩy Acsimet; Sự nổi.

- Áp suất: Áp suất; Áp suất chất lỏng- Máy nén thủy lực, Áp suất khí quyển.

### 2. Nhiệt học: (3,0 điểm)

Sự nở vì nhiệt của các chất; Sự nóng chảy- Sự đông đặc; Sự bay hơi- ngưng tụ; Nhiệt năng; Dẫn nhiệt; Đối lưu-Bức xạ nhiệt; Nhiệt lượng; phương trình cân bằng nhiệt.

### 3. Điện học: (5,0 điểm)

Điện trở-Mạch điện, Điện năng; Công-Công suất của dòng điện, Định luật Jun-Lenxơ.

### 4. Điện từ học: (3,0 điểm)

Nam châm vĩnh cửu- Nam châm điện; Từ trường; Lực điện từ; Truyền tải điện năng đi xa; Máy biến thế.

### 5. Quang học: (5,0 điểm)

Sự truyền ánh sáng; Định luật phản xạ ánh sáng; Gương phẳng, Gương cầu; Hiện tượng khúc xạ ánh sáng; Thấu kính hội tụ.

## 3. MÔN HÓA HỌC

### Chủ đề 1: (3,0 điểm)

Cơ sở lý thuyết hóa học (bao gồm các khái niệm cơ bản, các định luật, cấu tạo chất, .... thuộc hóa học hữu cơ và vô cơ).

### Chủ đề 2: (2,0 điểm)

Bài toán dung dịch (bao gồm độ tan, tinh thể hidrat hóa, nồng độ dung dịch, pha trộn dung dịch).

### Chủ đề 3: (3,0 điểm)

Viết PTHH theo chuỗi, phân biệt, điều chế các chất (bao gồm cả vô cơ và hữu cơ).

### Chủ đề 4: (2,0 điểm)

Vận dụng kiến thức hoá học giải thích các hiện tượng trong thực tiễn đời sống.

### Chủ đề 5: (3,0 điểm)

Bài toán tích hợp gắn với thực tiễn cuộc sống.

### Chủ đề 6: (3,0 điểm)

Bài toán vô cơ (Bài toán hỗn hợp chia phần bằng nhau và không bằng nhau, Tìm công thức hoá học, lượng dư, tăng giảm khối lượng, hiệu suất phản

ứng, nồng độ dung dịch sau phản ứng, oxit axit tác tác với dung dịch kiềm, bài toán nhôm...)

**Chủ đề 7: (4,0 điểm)**

Bài toán hữu cơ (xác định Công thức hóa học của hợp chất hữu cơ, bài toán dạng hỗn hợp, hiệu suất, khối lượng mol trung bình hỗn hợp khí...)

*(Chương trình thi tính để hết bài Mỗi liên hệ giữa etien, rượu etylic, axit axetic).*

**4. MÔN SINH HỌC**

**Chủ đề 1: Các thí nghiệm của Mendel (4,0 điểm)**

- Lai 1 cặp tính trạng
- Lai 2 cặp tính trạng
- Vận dụng giải các dạng toán tương ứng ở với các nội dung chủ đề 1

**Chủ đề 2: Nhiễm sắc thể (3,0 điểm)**

- Nhiễm sắc thể
- Nguyên phân
- Giảm phân
- Phát sinh giao tử và thụ tinh
- Cơ chế xác định giới tính
- Di truyền liên kết.
- Vận dụng giải các dạng toán tương ứng ở với các nội dung chủ đề 2

**Chủ đề 3: AND và Gen (4,0 điểm)**

- AND
- AND và bản chất của gen
- Mỗi quan hệ giữa gen và ARN
- Prôtêin
- Mỗi quan hệ giữa gen và tính trạng
- Vận dụng giải các dạng toán tương ứng với các nội dung ở chủ đề 3

**Chủ đề 4: Biến dị ( 3,0 điểm)**

- Đột biến gen
- Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể
- Đột biến số lượng nhiễm sắc thể
- Thường biến
- Vận dụng giải các dạng toán tương ứng ở với các nội dung chủ đề 4

**Chủ đề 5: Di truyền học người (2,0 điểm)**

- Phương pháp nghiên cứu di truyền người
- Bệnh và tật di truyền ở người
- Di truyền học với con người
- Vận dụng giải các dạng toán tương ứng ở với các nội dung chủ đề 5

**Chủ đề 6: Sinh vật và môi trường (2,0 điểm)**

- Môi trường và các nhân tố sinh thái
- Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật
- Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật
- Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật

### **Chủ đề 7: Hệ sinh thái ( 2,0 điểm)**

- Quần thể sinh vật
- Quần thể người
- Quần xã sinh vật
- Hệ sinh thái.

## **5. MÔN NGỮ VĂN**

### **a. Nghị luận xã hội (8,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận xã hội

- Nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí
- Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống

### **b. Nghị luận văn học (12,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận văn học

- Nghị luận về đoạn thơ (bài thơ)
- Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)
- Nghị luận tổng hợp (bàn về một/hai ý kiến về tác phẩm/tác giả; về hình tượng, đề tài, cảm hứng sáng tác,...; đề so sánh; lí luận văn học,...)
- Phạm vi đề: Chủ yếu trong chương trình lớp 9
  - + Văn học Trung đại Việt Nam
  - + Văn học Hiện đại Việt Nam
  - + Lí luận văn học: Văn học và đời sống, Chức năng của văn học (Ý nghĩa văn chương – Chương trình Ngữ văn 7, Tiếng nói của văn nghệ - Ngữ văn 9)
- Chú ý dạng đề mở.

## **6. MÔN LỊCH SỬ**

### **\* Phần Lịch sử Việt Nam: (14,0 điểm)**

- Lịch sử Việt Nam Thời kì Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập, Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X (lớp 6- Tính từ bài 17)
- Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX (lớp 7). ( Tính từ Bài 18)
- Lịch sử Việt Nam trong những năm 1858- 1918 (lớp 8)
- Việt Nam trong những năm 1919-1930 (lớp 9)
- Việt Nam trong những năm 1930-1945(lớp 9) (Tính đến hết Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa).

### **\* Phần Lịch sử thế giới: (6,0 điểm)**

- Lịch sử thế giới từ năm 1917 đến 1945 (lớp 8)
- Lịch sử thế giới từ năm sau 1945 đến nay (lớp 9)



## 7. MÔN ĐỊA LÍ

### **a. Trái Đất và các thành phần tự nhiên (3,0 điểm)**

- Tính tỉ lệ bản đồ, tính giờ trên Trái Đất, phương hướng trên bản đồ. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí.
- Sự vận động của Trái Đất và các hệ quả
- Các thành phần tự nhiên của Trái đất (lớp vỏ khí, thời tiết, khí hậu, nhiệt độ không khí, khí áp và gió, hơi nước trong không khí. Mưa)
- Các đới khí hậu trên Trái Đất.

### **b. Địa lí tự nhiên Việt Nam (5,0 điểm)**

- Vị trí, giới hạn và hình dạng lãnh thổ Việt Nam
- Đặc điểm của các thành phần tự nhiên (biển, địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, sinh vật)
- Các miền tự nhiên.

### **c. Địa lí dân cư (3,0 điểm)**

- Đặc điểm dân số, phân bố dân cư
- Lao động và việc làm
- Vấn đề đô thị hóa

### **d. Địa lí kinh tế Việt Nam (4,0 điểm)**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp (Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản)
- Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp (Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp, vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp)
- Một số vấn đề phát triển và phân bố dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại và du lịch).

### **e. Sự phân hóa lãnh thổ Việt Nam (5,0 điểm)**

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ
- Vùng Đồng bằng sông Hồng
- Vùng Bắc Trung Bộ
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ
- Vùng Tây Nguyên
- Vùng Đông Nam Bộ

**\* Lưu ý phần kỹ năng: Kỹ năng Atlat, xử lý và đọc bảng số liệu, vẽ và phân tích biểu đồ.**

## 8. MÔN TIẾNG ANH

### A. Kỹ năng nói (4,0 điểm)

#### 1. Nội dung và hình thức thi

Các chủ đề thi nói nằm trong chương trình tiếng Anh cấp THCS chủ yếu lớp 8 và 9. Học sinh cần luyện tập trả lời câu hỏi như trình bài các dạng bài luận (essay). Mỗi thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một câu hỏi theo các chủ đề trong chương trình THCS, học sinh có **10 phút** để chuẩn bị và 05 phút trả lời câu hỏi và ghi âm bằng microphone.

#### 2. Tiêu chí chấm điểm thi kỹ năng nói

| Tiêu chí  | Thang điểm | Chi tiết  | Thang điểm |
|---|------------|---|------------|
| <i>Phát triển ý</i>                                   | 2,0        | Nêu được ít nhất hai ý chính  | 1,0        |
|   |            | Giải thích ý chính  | 0,5        |
|   |            | Dẫn chứng, ví dụ  | 0,5        |
| <i>Sử dụng ngôn từ</i>                                | 0,5        | Phù hợp nội dung chủ đề   | 0,1        |
|   |            | Sử dụng vốn từ vựng phong phú và chính xác                                  | 0,2        |
|   |            | Sử dụng rất nhiều từ không thông dụng và thành ngữ                          | 0,1        |
|   |            | Sử dụng nhiều collocations và rất chính xác                                 | 0,1        |
| <i>Sử dụng cấu trúc ngữ pháp đa dạng và chính xác</i> | 0,5        | Sử dụng đa dạng cấu trúc câu  | 0,3        |
|   |            | Sử dụng đúng thời, thể, hình thức của từ                                    | 0,1        |
|   |            | Sử dụng đa dạng, phù hợp và đúng cấu trúc ngữ pháp                          | 0,1        |
| <i>Phát âm</i>  | 0,5        | Phát âm các nguyên âm (vowel) và phụ âm (consonant) của từ 1 cách chính xác | 0,1        |
|   |            | Nhấn đúng trọng âm (stress)   | 0,1        |
|   |            | Có ngữ điệu (intonation)  | 0,1        |
|   |            | Có phát âm cuối (final sound)   | 0,1        |
|   |            | Ngắt giọng đúng chỗ   | 0,1        |
| <i>Độ lưu loát và sắp xếp ý mạch lạc</i>              | 0,5        | Sử dụng một lượng đa dạng các từ, cụm từ liên kết, từ nối...                | 0,1        |
|   |            | Có các câu đề dẫn, các câu kết luận   | 0,1        |

|                  |  |   |            |
|------------------|--|---|------------|
|                  |  | Sử dụng các cụm từ liên kết một cách chính xác  | 0,1        |
|                  |  | Ít khi ngập ngừng, lặp lại                      | 0,1        |
|                  |  | Các câu trả lời đưa ra đều liên quan đến chủ đề | 0,1        |
| <b>Tổng điểm</b> |  |   | <b>4,0</b> |

**3. Quy trình và công tác chuẩn bị tổ chức thi nói** (xem phụ lục 3 đính kèm)

**4. Hướng dẫn cài đặt phần mềm** (xem phụ lục 4 đính kèm)

Để học sinh làm quen với hình thức và cách thức tổ chức thi nói, đề nghị các đơn vị tổ chức cho học sinh tập luyện thi nói trên phần mềm như hướng dẫn.

**B. Kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ (16,0 điểm)**

Theo cấu trúc sau:

**I. Listening (4,0 points)**

Một số dạng bài nghe như: Multiple choice, Gap-filling, True/False statements,...

**II. Phonetics (0,5 point)**

**III. Lexico-Grammar (3,5 points)**

A. Choose the best answer A, B, C, or D to complete each sentence.

B. Mistake identification in the paragraph/sentences.

C. Give correct word form in the passage.

D. Give correct form of the verbs in the passage.

E. Fill in the gaps in the following sentences with suitable particles.

**IV. Reading (4,0 points)**

A. Cloze text.

B. Gap filling.

C. Multiple choice.

**V. Writing (4,0 points)**

A. Write the second sentence that it has the same meaning as the first one. (1,0 point)

B. Write an exposition/essay. (3,0 points)

## 9. MÔN TIN HỌC

**I. Hình thức thi**

Thi lập trình trên máy tính.

Ngôn ngữ lập trình Pascal (dùng phần mềm Free Pascal) hoặc ngôn ngữ C/C++ (dùng phần mềm Code::Blocks hoặc Dev-C++).

Bài làm được chấm bằng các bộ Test, dữ liệu vào được đọc từ các file văn bản và kết quả xuất ra file văn bản. Có giới hạn thời gian và bộ nhớ chạy chương trình.

**II. Nội dung thi**

**Chủ đề 1:** Các bài toán về số học và xâu kí tự:

- Tính chia hết.
- Ước chung, bội chung, số nguyên tố.
- Các bài toán xử lí số, tìm số, ...
- Xâu đối xứng, ...

**Chủ đề 2:** Các thuật toán sắp xếp và tìm kiếm:

- Các thuật toán sắp xếp nổi bọt, sắp xếp chèn, sắp xếp nhanh, ... và ứng dụng.
- Tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân (tìm trên tập số, trên mảng hoặc xâu).

**Chủ đề 3:** Phân tích và thiết kế thuật toán:

- Đệ quy, quay lui, chia để trị, tham lam, ...
- Các thuật toán quy hoạch động điển hình.
- Các thuật toán tổng hợp cùng giải pháp *Heuristic*.